

Số: 43/QĐ-THPTNK

Vĩnh Bảo, ngày 03 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT, ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT, ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Hải Phòng về Phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 2127/SNV-CCVC, ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Sở Nội vụ Hải Phòng về việc rà soát, lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập hạng III lên hạng II;

Căn cứ Công văn số 2565/SGDĐT-TCHC, ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc rà soát, lập danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông công lập hạng III lên hạng II;

Xét đề nghị của Tổ phó tổ chuyên môn số 2 và Văn phòng trường THPT Nguyễn Khuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm 2025;

Điều 2. Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm 2025 của trường THPT Nguyễn khuyến được làm căn cứ để xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên;

Điều 3. Các bộ phận có liên quan, Hội đồng xét thăng hạng chức năng nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm 2025 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- Sở Nội Vụ Hải Phòng;
- ĐU, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Hùng

QUY ĐỊNH
TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠNG III LÊN HẠNG II
(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-THPTNK, ngày 03 tháng 5 năm 2025
của trường THPT Nguyễn Khuyến)

Thực hiện Công văn số 2565/SGDDĐT-TCHC, ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc rà soát, lập danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng CDNN giáo viên phổ thông công lập hạng III lên hạng II; Căn cứ vào công văn số 2127/SNV-CCVC, ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Sở Nội vụ Hải Phòng về việc rà soát, lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập hạng III lên hạng II. Trường THPT Nguyễn Khuyến ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III lên hạng II như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông nhiều cấp học;
- Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT, ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập;
- Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT, ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;
- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;

7. Quyết định số 521/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Hải Phòng về Phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo và vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

II. ĐỐI TƯỢNG, CƠ CẤU VÀ THỜI GIAN XÉT THĂNG HẠNG

1. Đối tượng

Tất cả giáo viên đã được bổ nhiệm ngạch chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học hạng III (nếu đủ điều kiện theo quy định hiện hành).

2. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp

- Hạng I: 6 người, chiếm 10%;
- Hạng II: 25 người, chiếm 40%;
- Hạng III: 30 người, chiếm 48%;
- Hạng IV: 01 người, chiếm 02%.

3. Thời gian

- Rà soát danh sách giáo viên đủ điều kiện xét: Từ ngày 29 tháng 4 năm 2025 đến ngày 03 tháng 5 năm 2025.

- Hội đồng xét thăng hạng: 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 5 năm 2025.

- Hội đồng xét thăng hạng: 7 giờ 15 phút, ngày 05 tháng 5 năm 2025.

- Thông báo kết quả xét và hoàn thiện hồ sơ xét thăng hạng: 9 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 5 năm 2025.

- Hoàn thành thu hồ sơ: 17 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 5 năm 2025.

- Nộp hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng: 8 giờ 00, ngày 06 tháng 5 năm 2025.

III. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HẠNG II

Theo Điều 9 tại Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học

1. Đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (Mã số 07.05.15).

2. Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III và tương đương:

- Có 03 năm công tác liên kế trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

3. Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II:

- Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021: Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông (trường hợp giáo viên có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT. Đối với giáo viên đã được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trước ngày 22 tháng 5 năm 2021 đủ điều kiện để tuyển dụng và xét thăng hạng theo công văn số 336/BGDĐT-NGCBQLGD, ngày 27 tháng 01 năm 2022).

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT: Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.

4. Đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II:

- Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT: Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học phổ thông và triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;

- Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT: Có khả năng điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học, giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế;

- Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT: Có khả năng nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; vận dụng sáng tạo, phù hợp các hình thức, phương pháp và lựa chọn nội dung học tập, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân;

- Theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT: Có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học phổ thông từ cấp trường trở lên;

- Theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT: Có khả năng vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT: Có khả năng vận dụng có hiệu quả các biện pháp tư vấn tâm lý, hướng nghiệp và công tác xã hội trường học phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;

- Theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT: Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường trở lên;

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT: Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; Có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

5. Đáp ứng yêu cầu về thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (bao gồm cả thời gian giữ hạng tương đương)

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT: Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (Mã số V.07.05.14) phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (Mã số V.07.05.15) hoặc tương đương từ 09 năm trở lên (không kể thời gian thực tập) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

- Theo quy định tại mục 2 “Điều 9” khoản 6 Điều 4 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT: Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II (Mã số V.07.05.14), nếu có bằng Thạc sĩ, đáp ứng tiêu chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên trung học phổ thông hạng II hoặc tương đương đủ từ 06 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

IV. QUY TRÌNH XÉT VÀ THỦ TỤC HỒ SƠ

1. Quy trình xét thăng hạng

(1) Ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III lên hạng II và thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông năm 2025.

(2) Rà soát, lập danh sách và tổng hợp kết quả quá trình công tác theo quy định.

- Căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng và kết quả, thành tích của cá nhân.

+ Xếp loại viên chức 3 năm liền kề tính đến thời điểm xét: 02 năm xếp loại xuất sắc, 01 năm xếp loại tốt.

+ Được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên hoặc có trình độ trên chuẩn.

+ Xem xét các thành tích cá nhân, giới tính, độ tuổi, thời gian công tác.

(3) Xét, quyết định lập danh sách giáo viên đủ điều kiện đề nghị thành phố quyết định thăng hạng.

2. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

(1) Bản chính Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

(2) Bản chính nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định, cần xác nhận rõ các nội dung:

- Giáo viên căn cứ vào mẫu gửi kèm thực hiện tự nhận xét;
- Phó hiệu trưởng và thư ký hội đồng rà soát, tham mưu nhận xét đánh giá, xếp loại.
- Hiệu trưởng phê duyệt và ký.

(3) Bản photo công chứng của bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông. Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

(4) Bản photo công chứng chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông.

(5) Bản photo công chứng chứng chỉ Ngoại ngữ theo yêu cầu vị trí việc làm; Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

(6) Bản photo công chứng chứng chỉ Tin học đáp ứng khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp.

(7) Bản photo công chứng minh chứng của cấp có thẩm quyền công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường trở lên.

(8) Bản photo công chứng các Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III và tương đương của cấp có thẩm quyền.

(9) Bản photo công chứng Quyết định tuyển dụng và xếp lương.

(10) Bản photo công chứng Quyết định nâng bậc lương gần nhất.
